

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Danh mục ngành và Chương trình bổ sung kiến thức  
để dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Chính sách công, mã số 8340402**

**GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA**

Căn cứ Quyết định số 05/2018/QĐ-TTg ngày 23/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Hành chính Quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành theo Quyết định số 840/QĐ-HCQG ngày 04/4/2022 của Giám đốc Học viện Hành chính Quốc gia;

Căn cứ Quyết nghị số 02/QN-HĐKHĐT ngày 25/8/2022 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Học viện về Danh mục ngành dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ và Chương trình bổ sung kiến thức;

Xét đề nghị của Trưởng ban Quản lý đào tạo Sau đại học.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục ngành và Chương trình bổ sung kiến thức để dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Chính sách công, mã số 8340402 của Học viện Hành chính Quốc gia.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 846/QĐ-HCQG ngày 04/4/2022 của Giám đốc Học viện Hành chính Quốc gia về Danh mục ngành và Chương trình bổ sung kiến thức để dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Chính sách công, mã số 8340402.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Học viện, Trưởng ban Quản lý đào tạo Sau đại học, Thủ trưởng các đơn vị liên quan, các đơn vị và cá nhân tham gia tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ tại Học viện Hành chính Quốc gia chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Ban Giám đốc Học viện;
- Các Phân viện trực thuộc HV;
- Các Khoa chuyên môn;
- Văn phòng HV (để đăng Website);
- Lưu: VT, SĐH (20 bản).

Để phối hợp  
thực hiện



**KT. GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**

Nguyễn Đăng Quế



**DANH MỤC NGÀNH VÀ CHƯƠNG TRÌNH BỔ SUNG KIẾN THỨC  
ĐỂ DỰ TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH CHÍNH SÁCH CÔNG**

**MÃ SỐ 8.34.04.02**

(Kèm theo Quyết định số 3360/QĐ-HCQG ngày 21/8/2022 của Giám đốc Học viện)

**I. DANH MỤC NGÀNH ĐƯỢC DỰ TUYỂN**

1. Nhóm 1: Các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo

TT	Mã số	Tên ngành	Ghi chú
1	7310201	Chính trị học	
2	7310202	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	
3	7310205	Quản lý nhà nước/Hành chính học	
4	7310206	Quan hệ quốc tế	
5	7340401	Khoa học quản lý	
6	7340403	Quản lý công	
7	7340404	Quản trị nhân lực	
8	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	
9	7340406	Quản trị văn phòng	
10	7340408	Quan hệ lao động	
11	7340409	Quản lý dự án	

2. Nhóm 2: Các ngành có nội dung trong chương trình đào tạo đại học trang bị nền tảng chuyên môn cần thiết để học tiếp chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Chính sách công.

TT	Mã số	Tên ngành	Ghi chú
1	7310101	Kinh tế	
2	7310102	Kinh tế chính trị	
3	7310104	Kinh tế đầu tư	
4	7310105	Kinh tế phát triển	
5	7310106	Kinh tế quốc tế	
6	7310107	Thống kê kinh tế	
7	7310108	Toán kinh tế	
8	7310109	Kinh tế số	
9	7310301	Xã hội học	
10	7310302	Nhân học	
11	7310401	Tâm lý học	
12	7310403	Tâm lý học giáo dục	
13	7310501	Địa lý học	
14	7310601	Quốc tế học	



TT	Mã số	Tên ngành	Ghi chú
15	7310602	Châu Á học	
16	7310607	Thái Bình Dương học	
17	7310608	Đông phương học	
18	7310612	Trung Quốc học	
19	7310613	Nhật Bản học	
20	7310614	Hàn Quốc học	
21	7310620	Đông Nam Á học	
22	7310630	Việt Nam học	
23	7340101	Quản trị kinh doanh	
24	7340115	Marketing	
25	7340116	Bất động sản	
26	7340120	Kinh doanh quốc tế	
27	7340121	Kinh doanh thương mại	
28	7340122	Thương mại điện tử	
29	7340123	Kinh doanh thời trang và dệt may	
30	7340201	Tài chính – Ngân hàng	
31	7340204	Bảo hiểm	
32	7340205	Công nghệ tài chính	
33	7340301	Kế toán	
34	7340302	Kiểm toán	
35	7380101	Luật	
36	7380102	Luật hiến pháp và luật hành chính	
37	7380103	Luật dân sự và tố tụng dân sự	
38	7380104	Luật hình sự và tố tụng hình sự	
39	7380107	Luật kinh tế	
40	7380108	Luật quốc tế	
41	7140114	Quản lý giáo dục	
42	7229042	Quản lý văn hoá	
43	7320205	Quản lý thông tin	
44	7510601	Quản lý công nghiệp	
45	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
46	7580106	Quản lý đô thị và công trình	
47	7580302	Quản lý xây dựng	
48	7620211	Quản lý tài nguyên rừng	
49	7620305	Quản lý thủy sản	
50	7720801	Tổ chức và quản lý y tế	
51	7720802	Quản lý bệnh viện	
52	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
53	7810201	Quản trị khách sạn	
54	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	
55	7810301	Quản lý thể dục thể thao	
56	7840102	Quản lý hoạt động bay	
57	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	
58	7850103	Quản lý đất đai	
59	7860109	Quản lý nhà nước về an ninh trật tự	
60	7860110	Quản lý trật tự an toàn giao thông	
61	7860220	Chỉ huy, quản lý kỹ thuật	





### 3. Nhóm 3: Trường hợp đặc biệt

Đối với trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học không thuộc các ngành đã liệt kê ở trên, Giám đốc Học viện sẽ xem xét, quyết định trên cơ sở tư vấn của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Học viện, đồng thời thí sinh phải đáp ứng ít nhất một trong các tiêu chí sau:

a). Đã hoặc đang làm việc trong các cơ quan, tổ chức thuộc khu vực công và có thâm niên công tác trong khu vực công ít nhất là 24 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển.

b). Đã hoặc đang làm việc ở các bộ phận hành chính, quản trị, tổ chức, nhân sự, thanh tra, kiểm tra, chế độ, chính sách thuộc các tổ chức khu vực tư và có thâm niên công tác ít nhất là 24 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký học; đã hoặc đang giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý ở các cơ quan, tổ chức khu vực tư và có thâm niên công tác ít nhất là 24 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển.

c). Là tác giả hoặc đồng tác giả bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong và ngoài nước có chỉ số ISSN và có liên quan đến lĩnh vực chính sách công.

d). Là chủ nhiệm hoặc tham gia đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở trở lên có liên quan đến lĩnh vực chính sách công đã được nghiệm thu và đánh giá từ mức Đạt trở lên.

đ). Là chủ biên hoặc tham gia biên soạn sách, giáo trình, tài liệu chuyên khảo có liên quan đến lĩnh vực chính sách công, được in ở Nhà xuất bản có chỉ số ISBN.

e). Bảng điểm trình độ đại học của học viên có sự tương đồng về các nội dung, học phần so với khối kiến thức ngành thuộc Chương trình đào tạo đại học ngành hoặc chuyên ngành Chính sách công từ 51% trở lên.

## II. CHƯƠNG TRÌNH HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC

1. Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc nhóm 1: Không phải học bổ sung kiến thức.

2. Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc nhóm 2: học bổ sung 3 học phần sau:

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Những vấn đề cơ bản về chính sách công	02
2	Quản lý học đại cương	02
3	Lý luận hành chính nhà nước	02

3. Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc nhóm 3: học bổ sung 8 học phần sau:

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Những vấn đề cơ bản về chính sách công	02
2	Quản lý học đại cương	02
3	Lý luận hành chính nhà nước	02
4	Lý luận nhà nước và pháp luật	01
5	Chính trị học	01
6	Quản lý nhà nước về xã hội	01
7	Kinh tế trong khu vực công	01
8	Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước	01



*Mab*